

# **Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 31

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



Số tham chiếu: 611504429/19355693/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.221.116.028.616</b>	<b>1.218.475.787.544</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>42.682.383.697</b>	<b>32.823.139.329</b>
111	1. Tiền		42.682.383.697	32.823.139.329
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>4.900.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	4.900.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>442.303.950.450</b>	<b>360.885.617.856</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	375.645.993.330	326.007.419.444
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	41.268.182.895	9.893.887.776
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	34.194.601.592	33.772.849.639
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(8.804.827.367)	(8.823.019.883)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý			34.480.880
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>641.280.098.937</b>	<b>714.275.506.872</b>
141	1. Hàng tồn kho		641.280.098.937	715.840.230.632
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.564.723.760)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>94.849.595.532</b>	<b>105.591.523.487</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.331.469.841	3.997.643.556
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		92.252.796.083	101.333.383.483
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		265.329.608	260.496.448
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>94.418.149.991</b>	<b>87.736.112.678</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>2.383.780.000</b>	<b>2.323.780.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.383.780.000	2.323.780.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>84.817.287.660</b>	<b>84.785.964.920</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	26.526.847.373	27.942.658.327
222	Nguyên giá		50.749.439.230	47.917.186.260
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.222.591.857)	(19.974.527.933)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	58.290.440.287	56.843.306.593
228	Nguyên giá		60.053.070.740	58.509.622.898
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.762.630.453)	(1.666.316.305)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.217.082.331</b>	<b>626.367.758</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		579.539.298	626.367.758
269	2. Lợi thế thương mại	4	6.637.543.033	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.315.534.178.607</b>	<b>1.306.211.900.222</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>678.901.699.681</b>	<b>676.633.327.069</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>675.443.269.802</b>	<b>672.579.897.190</b>
311	1. Phải trả ngắn hạn người bán	12.1	172.617.935.903	275.889.648.880
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	29.525.811.992	10.236.510.898
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	7.088.895.076	5.628.886.679
314	4. Phải trả người lao động		11.059.319.202	20.109.595.096
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.248.508.447	1.135.201.197
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	22.287.544.930	17.011.020.754
320	7. Vay ngắn hạn	16	431.615.254.252	342.569.033.686
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.458.429.879</b>	<b>4.053.429.879</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	3.458.429.879	4.053.429.879
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>636.632.478.926</b>	<b>629.578.573.153</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>636.632.478.926</b>	<b>629.578.573.153</b>
411	1. Vốn cổ phần	17.1	397.517.470.000	306.133.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397.517.470.000	306.133.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	17.1	61.233.761.416	152.617.941.416
415	3. Cổ phiếu quỹ	17.1	(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	17.1	400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.1	177.979.892.059	176.700.278.903
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến kỳ trước		148.980.084.303	109.973.169.673
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		28.999.807.756	66.727.109.230
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		5.774.292.617	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.315.534.178.607</b>	<b>1.306.211.900.222</b>

  
Trần Thị Thu Hiền  
Người lập

  
Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng

  
Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.1	1.565.401.530.314	1.772.668.175.137
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(13.386.452.162)	(22.470.541.982)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.1	1.552.015.078.152	1.750.197.633.155
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	19	(1.450.065.095.043)	(1.636.850.067.031)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		101.949.983.109	113.347.566.124
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	11.004.022.573	8.617.511.426
22	7. Chi phí tài chính	21	(11.366.906.897)	(14.869.535.057)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(10.529.099.244)	(14.176.286.483)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(44.269.495.676)	(42.847.646.814)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(22.522.261.444)	(24.569.748.525)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.795.341.665	39.678.147.154
31	11. Thu nhập khác	22	2.879.805.901	1.640.193.477
32	12. Chi phí khác	22	(892.846.647)	(793.143.018)
40	13. Lợi nhuận khác	22	1.986.959.254	847.050.459
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.782.300.919	40.525.197.613
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(7.782.493.163)	(8.325.183.953)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		28.999.807.756	32.200.013.660
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		28.999.807.756	32.200.013.660
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	732	813
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	732	813

Trần Thị Thu Hiền  
Người lập

Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng

Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>36.782.300.919</b>	<b>40.525.197.613</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	2.222.714.995	1.860.378.241
03	Hoàn nhập dự phòng		(1.582.916.276)	-
05	Lãi tiền gửi		(225.578.008)	(240.323.517)
06	Chi phí lãi vay	21	10.529.099.244	14.176.286.483
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>47.725.620.874</b>	<b>56.321.538.820</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(53.745.568.931)	(61.460.293.017)
10	Giảm hàng tồn kho		89.821.610.359	23.661.417.495
11	Giảm các khoản phải trả		(101.066.062.851)	(285.694.957)
12	Giảm chi phí trả trước		1.783.227.897	3.336.790.391
14	Tiền lãi vay đã trả		(9.935.986.813)	(13.928.610.351)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.758.286.874)	(10.316.506.431)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(32.175.446.339)</b>	<b>(2.671.358.050)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(4.322.891.700)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng		4.900.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(11.342.042.662)	-
27	Lãi tiền gửi		225.578.008	240.323.517
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(6.216.464.654)</b>	<b>(4.082.568.183)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.221.133.748.349	1.396.917.059.920
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.145.162.398.388)	(1.377.206.961.847)
36	Cổ tức đã trả	17.2	(27.720.194.600)	(28.532.790.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>48.251.155.361</b>	<b>(8.822.691.927)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		9.859.244.368	(15.576.618.160)
60	Tiền đầu kỳ		32.823.139.329	31.668.848.074
70	Tiền cuối kỳ	5	42.682.383.697	16.092.229.914

  
Trần Thị Thu Hiền  
Người lập

  
Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng

  
Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 452 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 512).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức***

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Đầu tư	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
					Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Trực tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Trước hoạt động	100	-
(3) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(4) Công ty TNHH M360.VN	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	Trước hoạt động	100	100
(5) Công ty TNHH CSV Healthcare	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thực phẩm chức năng	Trước hoạt động	80	-
(6) Công ty Cổ phần Digi-Infofabrica	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin	Trước hoạt động	90	-
(7) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	50,3	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.5 Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty đã mua 572.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L ("C.L") với giá phí hợp nhất kinh doanh là 12.480.851.100 VND, tương đương 50,3% tỷ lệ sở hữu. Theo đó, C.L đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của C.L vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>VND</i> <i>Giá trị hợp lý tạm thời ghi nhận tại ngày mua</i>
<b>Tài sản</b>	
Tiền	1.138.808.438
Các khoản phải thu	18.102.626.509
Tài sản ngắn hạn khác	476.190.398
Hàng tồn kho	15.261.478.664
Tài sản cố định	2.254.037.735
Tài sản ngắn hạn khác	130.225.722
	<b><u>37.363.367.466</u></b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Các khoản phải trả	7.839.048.082
Vay	13.074.870.605
Các khoản phải trả khác	4.831.848.095
	<b><u>25.745.766.782</u></b>
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b><u>11.617.600.684</u></b>
<b>Tổng tài sản thuần bị hợp nhất (50,3%)</b>	<b><u>5.843.308.067</u></b>
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	6.637.543.033
<b>Tổng chi phí hợp nhất</b>	<b><u>12.480.851.100</u></b>

Các số liệu kế toán ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên giá trị hợp lý của tài sản thuần được xác định tạm thời vì Nhóm Công ty đang xem xét việc định giá độc lập các giá trị hợp lý của tài sản thuần của C.L. Do đó, kết quả của việc định giá độc lập này chưa được hoàn thành vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**5. TIỀN**

	<i>VND</i> <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	663.462.249	127.165.372
Tiền gửi ngân hàng	42.018.921.448	32.695.973.957
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>42.682.383.697</u></b>	<b><u>32.823.139.329</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	26.985.835.288	22.092.042.871
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	12.758.061.689	23.264.833.716
Khác	<u>335.902.096.353</u>	<u>280.650.542.857</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>375.645.993.330</b>	<b>326.007.419.444</b>
Dự phòng trả trước khó đòi	<u>(8.804.827.367)</u>	<u>(8.823.019.883)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>366.841.165.963</u></b>	<b><u>317.184.399.561</u></b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần các khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Xiaomi H.K Co., Ltd.	30.705.115.392	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinamedic	9.279.299.250	-
CK Telecom (HongKong) Co., Ltd.	-	4.480.952.000
Khác	<u>1.283.768.253</u>	<u>5.412.935.776</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.268.182.895</u></b>	<b><u>9.893.887.776</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu hỗ trợ bán hàng	32.874.099.492	32.874.099.492
Tạm ứng cho nhân viên	737.565.472	496.558.805
Khác	<u>582.936.628</u>	<u>402.191.342</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>34.194.601.592</u></b>	<b><u>33.772.849.639</u></b>
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	<u>2.383.780.000</u>	<u>2.323.780.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Hàng hóa	529.803.848.943	540.219.030.384
Hàng mua đang đi đường	95.421.071.739	151.599.749.460
Hàng gửi đi bán	13.518.224.008	22.447.887.398
Thành phẩm	1.269.940.377	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.267.013.870	1.573.563.390
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>641.280.098.937</b>	<b>715.840.230.632</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.564.723.760)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>641.280.098.937</b>	<b>714.275.506.872</b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí hoạt động	2.122.154.164	3.158.474.139
Công cụ, dụng cụ	209.315.677	839.169.417
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.331.469.841</b>	<b>3.997.643.556</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

	<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	21.183.180.735	2.145.916.525	21.801.104.571	2.786.984.429	-	47.917.186.260
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	2.832.252.970	2.832.252.970
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>21.183.180.735</u>	<u>2.145.916.525</u>	<u>21.801.104.571</u>	<u>2.786.984.429</u>	<u>2.832.252.970</u>	<u>50.749.439.230</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	387.664.089	3.860.962.518	2.569.481.467	1.021.873.479	7.839.981.553
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(6.241.661.415)	(1.112.613.771)	(9.859.861.272)	(2.760.391.475)	-	(19.974.527.933)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	(2.121.663.077)	(2.121.663.077)
Khấu hao trong kỳ	<u>(426.802.548)</u>	<u>(188.924.749)</u>	<u>(1.501.723.548)</u>	<u>(8.950.002)</u>	-	<u>(2.126.400.847)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(6.668.463.963)</u>	<u>(1.301.538.520)</u>	<u>(11.361.584.820)</u>	<u>(2.769.341.477)</u>	<u>(2.121.663.077)</u>	<u>(24.222.591.857)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>14.941.519.320</u>	<u>1.033.302.754</u>	<u>11.941.243.299</u>	<u>26.592.954</u>	-	<u>27.942.658.327</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>14.514.716.772</u>	<u>844.378.005</u>	<u>10.439.519.751</u>	<u>17.642.952</u>	<u>710.589.893</u>	<u>26.526.847.373</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
Tăng do hợp nhất kinh doanh	<u>1.543.447.842</u>	-	<u>1.543.447.842</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>58.093.447.842</u>	<u>1.959.622.898</u>	<u>60.053.070.740</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	806.035.023	806.035.023
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	(1.666.316.305)	(1.666.316.305)
Hao mòn trong kỳ	-	<u>(96.314.148)</u>	<u>(96.314.148)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	<u>(1.762.630.453)</u>	<u>(1.762.630.453)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>56.550.000.000</u>	<u>293.306.593</u>	<u>56.843.306.593</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>58.093.447.842</u>	<u>196.992.445</u>	<u>58.290.440.287</u>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Asus Global Pte. Ltd.	58.374.373.730	51.938.871.042
Dell Global B.V (Singapore Branch)	56.764.444.223	146.651.917.960
Khác	<u>57.479.117.950</u>	<u>77.298.859.878</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>172.617.935.903</u></b>	<b><u>275.889.648.880</u></b>

**12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
B2X Care Solutions GmbH	15.049.467.753	-
Mega Alliance Holdings Limited	3.916.659.490	3.916.659.490
Vision Best Holdings Limited	3.760.054.645	3.760.054.645
Plus One Global Limited	3.617.586.737	554.592.707
Khác	<u>3.182.043.367</u>	<u>2.005.204.056</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.525.811.992</u></b>	<b><u>10.236.510.898</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND				
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Tăng do hợp nhất kinh doanh</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.258.286.874	7.782.493.163	-	(6.758.286.874)	6.282.493.163
Thuế thu nhập cá nhân	370.599.805	3.997.363.191	20.508.247	(3.900.571.730)	487.899.513
Thuế giá trị gia tăng	-	-	318.502.400	-	318.502.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.628.886.679</u></b>	<b><u>11.779.856.354</u></b>	<b><u>339.010.647</u></b>	<b><u>(10.658.858.604)</u></b>	<b><u>7.088.895.076</u></b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Lãi vay	1.072.092.124	478.979.693
Chi phí hoạt động	176.416.323	656.221.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.248.508.447</u></b>	<b><u>1.135.201.197</u></b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	17.562.399.810	14.487.850.303
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	1.486.674.987	1.398.035.455
Khác	3.238.470.133	1.125.134.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.287.544.930</u></b>	<b><u>17.011.020.754</u></b>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	2.698.000.000	3.293.000.000
Khác	760.429.879	760.429.879
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.458.429.879</u></b>	<b><u>4.053.429.879</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**16. VAY NGẮN HẠN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vay ngân hàng	342.569.033.686	1.221.133.748.349	13.074.870.605	(1.145.162.398.388)	431.615.254.252

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	179.900.000.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 đến ngày 29 tháng 9 năm 2017	Từ 4,4 đến 5,2	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	150.088.003.851	Từ ngày 11 tháng 8 năm 2017 đến ngày 27 tháng 9 năm 2017	Từ 4,5 đến 5	Tài sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho trị giá 6 triệu USD
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	88.552.379.796	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017	Từ 4,7 đến 5,3	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	9.509.344.586	Từ ngày 13 tháng 10 năm 2017 đến ngày 5 tháng 1 năm 2018	8	Tài sản cá nhân của bên liên quan, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại xã Đa Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Cộng Hòa	3.565.526.019	Từ ngày 27 tháng 9 năm 2017 đến ngày 26 tháng 12 năm 2017	Từ 15,5 đến 15,8	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>431.615.254.252</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.665.959.673	608.544.253.923
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	32.200.013.660	32.200.013.660
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>142.173.183.333</u>	<u>595.051.477.583</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	176.700.278.903	629.578.573.153
Phát hành cổ phiếu thưởng (*)	91.384.180.000	(91.384.180.000)	-	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(27.720.194.600)	(27.720.194.600)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	28.999.807.756	28.999.807.756
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>397.517.470.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>177.979.892.059</u>	<u>630.858.186.309</u>

(\*) Vào ngày 10 tháng 1 năm 2017, Công ty hoàn thành việc phát hành 9.138.418 cổ phiếu thưởng với giá trị là 91.384.180.000 VND cho cổ đông hiện hữu, theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016 số 02/04-2016/HĐCĐ-DGW ngày 26 tháng 4 năm 2016 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/11-2016/HĐQT-DGW ngày 21 tháng 11 năm 2016. Vào ngày 6 tháng 2 năm 2017, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 397.517.470.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.2 Cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức đã công bố	27.720.194.600	45.692.790.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	27.720.194.600	28.532.790.000

**17.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cổ phiếu đã được duyệt	39.751.747	39.751.747
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	39.751.747	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.751.747	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	39.600.278	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.600.278	30.461.860

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>1.565.401.530.314</b>	<b>1.772.668.175.137</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	1.555.512.467.409	1.764.441.030.392
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.889.062.905	8.227.144.745
<b>Trừ:</b>		
Hàng bán bị trả lại	(13.386.452.162)	(22.470.541.982)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.552.015.078.152</b>	<b>1.750.197.633.155</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	1.542.126.015.247	1.741.970.488.410
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.889.062.905	8.227.144.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**18. DOANH THU** (tiếp theo)

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Chiết khấu thanh toán	8.075.778.448	4.885.282.950
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.415.429.903	3.354.116.907
Lãi tiền gửi ngân hàng	225.578.008	240.323.517
Khác	287.236.214	137.788.052
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.004.022.573</b>	<b>8.617.511.426</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.444.541.584.364	1.634.854.848.403
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.523.510.679	1.995.218.628
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.450.065.095.043</b>	<b>1.636.850.067.031</b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>44.269.495.676</b>	<b>42.847.646.814</b>
Chi phí nhân viên	22.513.449.071	25.168.076.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.452.706.719	13.835.858.301
Khác	3.303.339.886	3.843.711.659
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>22.522.261.444</b>	<b>24.569.748.525</b>
Chi phí nhân viên	11.617.213.156	13.639.797.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.517.671.230	6.900.727.473
Khác	2.387.377.058	4.029.223.788
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.791.757.120</b>	<b>67.417.395.339</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	10.529.099.244	14.176.286.483
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	659.515.473	367.467.886
Chiết khấu thanh toán	-	267.354.617
Khác	178.292.180	58.426.071
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.366.906.897</u></b>	<b><u>14.869.535.057</u></b>

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.879.805.901</b>	<b>1.640.193.477</b>
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	2.504.480.871	-
Khác	375.325.030	1.640.193.477
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>(892.846.647)</u></b>	<b><u>(793.143.018)</u></b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>1.986.959.254</u></b>	<b><u>847.050.459</u></b>

**23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá mua hàng hóa	1.450.135.007.820	1.642.302.261.359
Chi phí nhân viên	34.130.662.227	38.794.867.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.694.610.269	10.569.552.720
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	2.222.714.995	1.860.378.241
Khác	20.673.856.852	10.740.402.441
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.516.856.852.163</u></b>	<b><u>1.704.267.462.370</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>36.782.300.919</b>	<b>40.525.197.613</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	7.356.460.184	8.105.039.523
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	290.656.879	170.301.837
Lỗ của các công ty con	82.177.946	49.842.593
Lợi nhuận chưa thực hiện	53.198.154	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>7.782.493.163</b>	<b>8.325.183.953</b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng	1.484.004.676	2.441.582.700



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	28.999.807.756	32.200.013.660
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	<u>39.600.278</u>	<u>39.600.278</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/ cổ phiếu)	<u>732</u>	<u>813</u>

(\*) Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh do việc phát hành thêm cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trong tháng 1 năm 2017.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ này và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**27. CÁC CAM KẾT**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	3.731.174.388	4.943.407.752
Từ 1 đến 5 năm	<u>4.469.000.000</u>	<u>6.344.203.980</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.200.174.388</u></b>	<b><u>11.287.611.732</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



Trần Thị Thu Hiền  
Người lập



Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THẾ GIỚI SỐ  
M.S.D. 03102881742-C.F.C.P.HN  
QUẬN 3 - T. PHỐ CHÍ MINH

Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



T. NH. H.